TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3- 2024
V/v: Không công nhận
Qn hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thiên Anh Khoa và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên toà*:* Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1968 (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn Sơn Hải 2, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Sơn Hải 2, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Về Qn hệ hôn nhân: Ông với bà Nguyễn Thị Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống với nhau từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay chưa thực hiện đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Nguyễn Thị Q thường xuyên gây ra nợ nần, ông đã nhiều lần đứng ra trả nợ cho bà Q, ông có hỏi bà Q nhiều lần về việc nợ nần nhưng bà Q không nói cho ông biết. Từ đó vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn và bà Nguyễn Thị Q đã đi làm ăn xa nhưng làm ở đâu thì bà Q không nói, thỉnh thoảng bà Q vẫn về nH. Nay ông xét thấy không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị Q nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Q.

Về con chung: Ông với bà Nguyễn Thị Q có 04 con chung tên Lê Thị H, sinh năm 1994, 02 đứa tên Lê Thị H, cùng sinh năm 1995 (sinh đôi) và Lê Xuân T, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã trưởng tHnh và có nghề nghiệp ổn định nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông với bà Nguyễn Thị Q tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2023 (BL 17) và biên bản hoà giải (BL 20, 21) bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà với ông Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 1989 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do ông với ông H không am hiểu các quy định pháp luật, cũng như tập trung làm ăn nên đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tại thời điểm đó, bà cần tiền hùn vốn với người ta để làm ăn buôn bán, bà có xin ông H nhưng ông H không cho, bà kêu ông H bán 01 con dê lấy tiền để bà có tiền hùn vốn làm ăn với người ta nhưng ông H không đồng ý nên bà đã tự lấy tiền của ông H trong túi áo là 3.000.000 đồng. Sau khi lấy số tiền này thì bà có nói lại với ông H thì ông H có chửi bới bà. Sau đó bà đi làm ăn xa và có gọi điện thoại về nói với ông H về việc bà trả lại cho ông H số tiền 3.000.000 đồng trên nhưng ông H không chịu lấy. Sau đó đến khi Toà án mời lên làm việc thì bà mới biết ông H có đơn yêu cầu ly hôn. Thực tế vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nay ông Lê Văn H khởi yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Bà yêu cầu Toà án cho vợ chồng Qy về đoàn tụ.

- *Về con chung:* Bà với ông H có 04 con chung như ông H đã trình bày nên bà không có ý kiến trình bày thêm

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Nếu Toà án giải quyết cho bà và ông H ly hôn thì bà với ông H sẽ tự thoả thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định

của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Q.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn Chương phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về Qn hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Q; bà Nguyễn Thị Q có nơi cư trú tại thôn Sơn Hải 2, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định Qn hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[2]. *Về việc vắng mặt của đương sự:*

- Nguyên đơn ông Lê Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông H.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách Qn. Do đó căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Q.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. *Về hôn nhân:* Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Q chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay ông H xác định mâu thuẫn giữa ông với bà Q đã trầm trọng, ông không còn tình cảm với bà Q và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông H và bà Q đã sống chung với nhau từ năm 1989, mặc dù có đủ điều kiện để thực hiện đăng ký kết hôn nhưng ông H và bà Q đã không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa ông H và bà Q không được pháp luật thừa nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận Qn hệ vợ chồng giữa ông H và bà Q.

[3.2]. *Về con chung:* 04 con chung tên Lê Thị H, sinh năm 1994, 02 đứa tên Lê Thị H, cùng sinh năm 1995 (sinh đôi) và Lê Xuân T, sinh năm 1999. Hiện cả 04 con chung đều đã trưởng tHnh và khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Q tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Qn điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều: 53, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về Qn hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Q là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0002138 ngày 14/11/2023 của Chi Cục Thi Hnh án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Ông H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Khánh Hưng

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiên Anh Khoa **Nguyễn Thị Liên** **Dương Khánh Hưng**